VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ KHUYÊN

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG VEN BIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNGTRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội, 2019

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ KHUYÊN

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG VEN BIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNGTRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 9.34.04.10

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học 1: PGS.TS. Nguyễn Danh Sơn
Người hướng dẫn khoa học 2: TS. Trần Minh Yến

Hà Nội, 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Khuyên

LỜI CẢM ƠN

Luận án tốt nghiệp nghiên cứu sinh này được thực hiện và hoàn thành tại Học viện Khoa học xã hội, thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Tác giả bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới các thầy cô giáo, các cán bộ của Học viện Khoa học xã hội, của Khoa Kinh tế học đã giảng dạy, hỗ trợ tích cực cho tác giả hoàn thành chương trình học tập, nghiên cứu của mình.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới PGS.TS. Nguyễn Danh Sơn và TS. Trần Minh Yến đã đưa ra những chỉ dẫn khoa học quý báu, những lời động viên, khích lệ trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành đề tài.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các cán bộ thư viện Quốc gia Việt Nam; thư viện viện Kinh tế thuộc viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam; thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã giúp đỡ tác giả thu thập tài liệu phục vụ cho nghiên cứu luận án.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các cơ quan, hữu quan thuộc các lĩnh vực kế hoạch đầu tư, nông nghiệp và phát triển nông thôn, các sở nông nghiệp Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Ủy ban nhân dân, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và người dân các huyện Thái Thụy, Tiền Hải, Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Kim Sơn đã giúp đỡ cho nghiên cứu sinh thu thập tài liệu, số liệu nghiên cứu cần thiết cho luận án.

Trân trọng!

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 9
1.1. Các nghiên cứu về quản lý nhà nước với phát triển nông nghiệp vùng ven biển ... 9
1.2. Các nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu đến quản lý nhà nước về phát triển nông nghiệp 13
1.3. Kết luận rút ra và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu 15
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG VEN BIỂN TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 18
2.1. Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước với phát triển nông nghiệp vùng ven biển trong điều kiện biến đổi khí hậu 18
2.2. Kinh nghiệm quản lý phát triển nông nghiệp của một số địa phương và bài học cho vùng ven biển đồng bằng sông Hồng 50
Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG VEN BIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 65
3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến quản lý phát triển nông nghiệp vùng ven biển đồng bằng sông Hồng 65
3.2. Thực trạng quản lý phát triển ngành nông nghiệp vùng ven biển đồng bằng sông Hồng 74
3.3. Đánh giá quản lý phát triển nông nghiệp vùng ven biển đồng bằng sông Hồng .. 113
Chương 4: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG VEN BIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG 126
4.1. Dự báo bối cảnh, cơ hội và thách thức với quản lý phát triển nông nghiệp vùng ven biển đồng bằng sông Hồng 126
4.2. Quan điểm, mục tiêu quản lý phát triển nông nghiệp vùng ven biển đồng bằng sông Hồng trong điều kiện biến đổi khí hậu 138
4.3. Các giải pháp, kiến nghị nhằm phát triển nông nghiệp vùng ven biển đồng bằng sông Hồng trong điều kiện biến đổi khí hậu 143
KẾT LUẬN 163
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ ... 166
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 165
Phụ lục 180

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ đầy đủ
ADB	: Ngân hàng Phát triển Á châu (The Asian Deverlopment Bank)
BĐKH	: Biến đổi khí hậu
CNH	: Công nghiệp hóa
ĐBSH	: Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	: Đồng bằng sông Cửu Long
FAO	:Tổ chức nông nghiệp và lương thực của Liên hợp quốc (Food Agricultural Organization)
FTA	: Khu vực mậu dịch tự do (Free Trade Area)
HTX	: Hợp tác xã
HĐH	: Hiện đại hóa
ISPARD	:Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam (Istitute of Policy and Strategy for Agriculture and Rural Development VietNam)
IMF	:Quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fun)
KTTT	:Kinh tế thị trường
OECD	:Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (Organization for Economic Co-operation and Deverlopment)
PTNN	:Phát triển nông nghiệp
SXNN	:Sản xuất nông nghiệp
TPP	:Hiệp định xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership Agreement)
USD	:Đồng đô la Mỹ (United States Dollar)
UBND	:Ủy ban nhân dân
UNESCO	:Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (United Nations Education Scientific and Cultural Oganization)
WB	:Ngân hàng thế giới (World Bank)
WTO	:Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Oganization)

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1: Tỷ trọng lực lượng lao động và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động theo thành thị/ nông thôn và theo vùng kinh tế xã hội, quý 4 năm 2017 69

Bảng 3.2. Ý kiến về cơ sở xây dựng quy hoạch, kế hoạch PTNN của chính quyền cấp huyện vùng ven biển ĐBSH 75

Bảng 3.3. Ý kiến về khả năng định hướng của chính quyền cấp huyện vùng ven biển ĐBSH.....76

Bảng 3.4. Ý kiến của đối tượng quản lý về khả năng định hướng PTNN của chính quyền cấp huyện vùng ven biển ĐBSH.....77

Bảng 3.5. Ý kiến về khả năng chủ động trong thực quy hoạch, kế hoạch PTNN của chính quyền cấp huyện vùng ven biển ĐBSH.....77

Bảng 3.6. Ý kiến về sự phù hợp giữa đội ngũ cán bộ quản lý vớinhiệm vụ quản lý PTNN cấp huyện 79

Bảng 3.7. Ý kiến về mong muốn của người dân với quản lý nhà nước cấp huyện trong PTNN trong điều kiện BĐKH.....90

Bảng 3.8. Ý kiến về thực hiện kiểm tra và điều chỉnh trong quản lý PTNN.....92

Bảng 3.9. Nhận thức của người dân về PTNN 95

Bảng 3.10. Tăng trưởng ngành nông nghiệp vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010 – 2017 96

Bảng 3.11. Diện tích cây lương thực có hạt vùng ven biển ĐBSH 98

Bảng 3.12. Sản lượng cây lương thực có hạt vùng ven biển ĐBSH 99

Bảng 3.13. Diện tích trồng lúa vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010-2017 100

Bảng 3.14. Sản lượng lúa vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010 – 2017 101

Bảng 3.15. Sản lượng thịt hơi gia súc giai đoạn 2010 - 2017 102

Bảng 3.16. Tăng trưởng sản lượng thủy sản vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010- 2017 104

Bảng 3.17. Tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu ngành kinh tế vùng ven biển ĐBSH ...105

Bảng 3.18. Thu nhập bình quân đầu người vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010 – 2017 109

Bảng 3.19. Diện tích rừng trồng mới vùng ven biển DBSH giai đoạn 2010 – 2017.....112

Bảng 4.1. Dự báo tác động đến PTNN theo kịch bản RCP4.5 135

DANH MỤC BIỂU

Biểu đồ 3.1. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp vùng ven biển ĐBSH 97
Biểu đồ 3.2. Diện tích cây lượng thực có hạt vùng ven biển ĐBSH.....98
Biểu đồ 3.3. Sản lượng cây lương thực có hạt vùng ven biển ĐBSH 99
Biểu đồ 3.4. Diện tích trồng lúa vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010 - 2017.....101
Biểu đồ 3.5. Sản lượng lúa cả năm vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010 – 2017.102
Biểu đồ 3.6. Sản lượng gia súc vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010-2017 103
Biểu đồ 3.7. Sản lượng thủy sản vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010 – 2017.....104
Biểu đồ 3.8. Tỷ trọng ngành nông nghiệp vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010 - 2017 106
Biểu đồ 3.9. Cơ cấu nông nghiệp vùng ven biển ĐBSH năm 2010 107
Biểu đồ 3.10. Cơ cấu nông nghiệp vùng ven biển ĐBSH năm 2017 107
Biểu đồ 3.11. Thu nhập bình quân đầu người vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010 - 2017 theo giá hiện hành 110
Biểu đồ 3.12. Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bằng sông Hồng 2010 – 2017.....111
Biểu đồ 3.13. Diện tích rừng trồng mới vùng ven biển ĐBSH giai đoạn 2010 đến 2017 112
Biểu đồ 4.1. Diễn biến nhiệt vùng ven biển ĐBSH.....133

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp là ngành kinh tế xuất hiện sớm và có vai trò to lớn trong lịch sử kinh tế Việt Nam. Xưa, cha ông ta đã dạy"phi nông bất ổn", ngày nay nông nghiệp còn có vai trò to lớn hơn nữa. PTNN vừa có ý nghĩa đảm bảo vai trò truyền thống là chủ động an ninh lương thực quốc gia, đồng thời đảm nhiệm vai trò mới hiện nay như: cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến phát triển, tạo ra hàng hóa đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế, nâng cao thu nhập ngoại tệ từ xuất khẩu nông sản, đóng góp một phần vốn cho phát triển kinh tế xã hội; bảo vệ môi trường sinh thái; quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Quản lý nhà nước về kinh tế với sự PTNN như một yêu cầu tất yếu hiện nay. Ở Việt Nam, nông nghiệp vốn là ngành kinh tế phụ thuộc rất lớn vào các điều kiện tự nhiên. Quản lý nhà nước với PTNN là yêu cầu tất yếu để khơi dậy những tiềm năng, phát triển sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hóa cũng như ứng phó với những thay đổi của điều kiện tự nhiên, trong đó có BĐKH một cách hiệu quả. BĐKH là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ XXI. Việt Nam là một trong số ít nước trên thế giới chịu ảnh hưởng nhiều nhất của BĐKH. Trong các ngành kinh tế, nông nghiệp là lĩnh vực chịu tác động trực tiếp và rõ rệt nhất của BĐKH. BĐKH đã, đang và sẽ là nguyên nhân chính làm giảm mạnh diện tích đất canh tác, giảm sản lượng và năng suất, tăng dịch bệnh, thay đổi môi trường sống các loại cây trồng, vật nuôi. Những tác động của BĐKH mạnh mẽ, khó lường, vượt xa khả năng kinh nghiệm sống và sản xuất lâu đời của người dân. Xuất phát từ bản thân ngành nông nghiệp, từ thực tiễn sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất và nhiều yếu tố tác động khác quản lý nhà nước với PTNN là tất yếu khách quan và đã giành được sự quan tâm mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước ta trong nhiều năm qua, đặc biệt là trong bối cảnh diễn biến phức tạp, khó lường của BĐKH.

Tổng quan các nghiên cứu (được trình bày ở chương 1 của luận án) cho thấy đã có sự quan tâm chú ý nhiều đến vấn đề phát triển và quản lý PTNN. Tuy nhiên, nghiên cứu quản lý nhà nước về kinh tế đối với PTNN vùng ven biển trong điều

kiện tác động của BĐKH còn ít. Lý do là BĐKH mới trở nên thực sự rõ ràng, đặc biệt là vùng ĐBSH trong một số năm gần đây. ĐBSH nước ta là một khu vực chịu tác động ngày càng tăng của BĐKH với các biểu hiện ngày càng rõ rệt, như sự gia tăng về tần suất, cường độ các hiện tượng cực đoan của thời tiết, khí hậu (hạn hán, bão, lụt, tố lốc, …) và nước biển dâng. So với một số địa phương khác, biểu hiện của BĐKH vùng ven biển ĐBSH tuy chậm nhưng đã bắt đầu có hiện tượng xâm nhập mặn, làm ảnh hưởng nhiều tới sản xuất và cuộc sống của người dân.

Ngoài ra, trong số nghiên cứu với vùng ĐBSH, chủ đề quản lý PTNN nói chung được nghiên cứu nhiều nhưng quản lý nhà nước về kinh tế đối với PTNN trong điều kiện BĐKH thì còn chưa nhiều. Trong khi đó, bối cảnh mới làm xuất hiện những vấn đề mới, thậm chí rất mới trong PTNN. Bối cảnh thay đổi, điều kiện hoạt động của PTNN có những thay đổi thì tất yếu quản lý PTNN nói chung và quản lý nhà nước về kinh tế đối với PTNN nói riêng phải thay đổi theo để giải quyết những vấn đề phát triển nảy sinh.

Tác động của BĐKH làm nảy sinh các vấn đề quản lý phát triển mới đối với PTNN nhưng còn ít được nghiên cứu là lý do chính để nghiên cứu sinh lựa chọn chủ đề "PTNN *vùng ven biển* ĐBSH *trong điều kiện* BĐKH" cho luận án tiến sĩ chuyên ngành quản lý kinh tế của mình với mong muốn góp phần làm sáng tỏ và giải quyết các vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế gắn với điều kiện tác động của BĐKH trong PTNN ở khu vực ven biển ĐBSH. Cũng do địa bàn nghiên cứu là khu vực ven biển (gồm các huyện, xã ven biển) nên cấp quản lý ở đây là cấp huyện, xét trong mối quan hệ quản lý trong hệ thống quản lý chung của quốc gia: theo ngành là hệ thống quản lý ngành nông nghiệp và theo lãnh thổ là hệ thống quản lý địa phương (tỉnh, vùng/tiểu vùng).

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích chung: Nghiên cứu PTNN dưới góc độ quản lý nhà nước về kinh tế cấp huyện ở vùng ven biển ĐBSH trong điều kiện BĐKH là làm rõ thực trạng